

Số 1052

Tp. Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 3 năm 2012

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2011**

Kính gửi: GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THIÊN CHÍ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính niên khóa kết thúc ngày 31/12/2011 từ trang 02 đến trang 08 của Quý Trung Tâm lập ngày 10 tháng 3 năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động, và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Trung Tâm. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và quốc tế được Việt Nam thừa nhận. Quá trình kiểm toán được thực hiện theo các phương pháp qui định, xem xét các bằng chứng liên quan đến những số liệu và giải trình trong báo cáo tài chính nhằm kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi cho rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trung Tâm vào ngày 31/12/2011. Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động phản ánh trung thực về các hoạt động của Trung Tâm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011. Báo cáo được soạn thảo dựa trên những chuẩn mực Kế toán quốc tế được chấp nhận và có nội dung phù hợp với đặc điểm riêng biệt của Trung Tâm tại tỉnh Bình Thuận.



Kính chào trân trọng
PHÓ GIÁM ĐỐC - CPA

PHẠM GIA BẢO NGỌC
Số CC KTV: 1267/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

TS. PHÙNG THỊ THANH THỦY
Số CC KTV: D0126/KTV





LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT TỈNH BÌNH THUẬN
TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
THIỆN CHÍ

Km06 QL01 Hàm Mỹ -Hàm Thuận Nam ĐT/Fax:: (062 3899224) Email:thichico@vnn.vn www.thienchi.org

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011

1. Đặc điểm của đơn vị

Hình thức :Trung tâm hỗ trợ và phát triển cộng đồng Thiên Chí (gọi tắt TT Thiên Chí) là một Tổ chức xã hội, trực thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Bình Thuận theo quyết định số 165 QĐ/ LHH ngày 08 tháng 12 năm 2005.

Lĩnh vực hoạt động : tư vấn, đào tạo và hỗ trợ phát triển nông thôn

Phạm vi hoạt động : Tỉnh Bình Thuận

2. Hình thức tổ chức sổ sách : Dùng phần mềm WBILAN của Công ty phần mềm kế toán COTE QUEST - FRANCE dùng để theo dõi quỹ tài trợ và hoạt động được ghi trong giấy phép số 165 QĐ/ LHH ngày 08 tháng 12 năm 2005.

3. Các chi tiêu tài chính :

Các chi tiêu tài chính dưới đây đã và đang được thực hiện tại Tỉnh Bình Thuận

3.1. Tài sản hoạt động

Tài sản bao gồm tất cả giá trị dụng cụ làm việc có giá trị lớn hơn 10.000.000 đồng. Một số tài sản được thanh lý do không còn giá trị sử dụng cũng như trước đây đã không thực hiện việc khấu hao tài sản:

	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
Tài sản và dụng cụ làm việc	1.231.610.639	528.358.990	74.594.000	1.685.375.629
Tại văn phòng Thiên Chí	30.799.000			30.799.000
Tại Đức Linh	176.016.000	12.540.000	9.804.000	178.752.000
TT vi tính tại Đức Linh	198.919.590	183.403.000	44.930.000	337.392.590
Tại Tánh Linh	156.510.034			156.510.034
TT vi tính tại Tánh Linh	264.902.015	189.099.990		454.002.005
Tại Hàm Thuận Nam	120.284.000	12.540.000	2.300.000	130.524.000
TT vi tính tại Hàm Thuận Nam	284.180.000	130.776.000	17.560.000	397.396.000

3.2. Khấu hao tài sản

Trước đây do không áp dụng khấu hao trên các tài sản và dụng cụ làm việc nên giá trị của các tài sản vẫn còn nguyên giá nên nguồn vốn vẫn giữ nguyên. Trên thực tế nguồn vốn này đã giảm rất nhiều do các tài sản đã bị hao mòn. Do đó, để đánh giá lại tài sản cho được phù hợp với giá trị thực tế nên bắt đầu năm 2009 TT Thiên Chí với sự thống nhất của ban quản lý, quyết định áp dụng khấu hao 50% trên giá trị tài sản. Tổng số tiền khấu hao năm 2011 là: 429.099.298đ.



3.3. Tình hình nhân viên

	Năm 2011	Năm 2010
Tổng số nhân viên (người) :	50	55
Tổng thu nhập của nhân viên (đ):	3.082.622.934	2.817.748.784
Bình quân thu nhập (đồng/người/tháng):	5.137.705	4.269.316

Chính sách tăng lương hàng năm vẫn không thay đổi. Tuy nhiên bình quân thu nhập năm 2011 tăng 20,34% so với năm 2010 một phần do trượt giá trong năm.

TT Thiện Chí có chính sách cho nhân viên mượn tiền quỹ bảo hiểm xã hội (không mượn quá 70% quỹ bảo hiểm xã hội của mình có), trả dần hàng tháng. Tổng số tiền nhân viên tạm ứng đến ngày 31/12/2011 là: 360.569.875 đồng.

Năm 2011, TT Thiện Chí đã tham gia chế độ BHXH cho toàn thể nhân viên.

3.4. Hoạt động tín dụng

Hoạt động cho vay vẫn được thực hiện tốt, tiền cho vay hỗ trợ kinh tế được nâng lên tới mức tối đa là 3.500.000đ. Bên cạnh đó để tạo công ăn việc làm cho người dân, dự án cũng tiếp tục hỗ trợ cho các cá nhân được vay tới mức tối đa là 20.000.000đ với lãi suất cho vay là 1%/tháng. Năm 2011, dự án tập trung vào chương trình hộ khó khăn cho vay vốn không lãi và có lãi 1% từ vòng 7 trở lên và có nhu cầu vay vốn để chăn nuôi, trồng trọt hay buôn bán nhỏ.

Tình hình nợ tín dụng như sau:

3.4.1. Cấp tín dụng

	Tổng cộng VND	Chương trình kinh tế VND	Chương trình xã hội VND
Tại 31/12/2011	4.477.150.000	4.477.150.000	
a) Vay đặc biệt :	-	-	
b) Vay hộ khó khăn :	4.477.150.000	4.477.150.000	
- Đức Linh	2.216.600.000	2.216.600.000	
- Tánh Linh	1.547.400.000	1.547.400.000	
- Hàm Thuận Nam	713.150.000	713.150.000	

3.4.2. Chuyển giao vốn tín dụng tại Đức Linh cho các xã quản lý

	Tổng cộng VND	Chương trình kinh tế VND	Chương trình xã hội VND
Tại ngày 31/12/2011	200.000.000	200.000.000	
- Trà Tân	100.000.000	100.000.000	
- Sùng Nhơn	100.000.000	100.000.000	

3.4.3. Thu nhập từ hoạt động tín dụng năm 2011:

- Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn:	78.597.572 VND
- Thu lãi từ tiền quỹ bảo hiểm xã hội cho vay:	5.453.000 VND
- Thu lãi từ hoạt động tín dụng:	150.057.000 VND
- Thu khác:	41.492.500 VND



3.5. Chi phí cho hoạt động

Trong năm 2011, các khoản chi phí cho hoạt động của dự án tăng hơn so với năm ngoái.

Chi tiết các khoản chi trong năm 2011 như sau:

Nội dung chi phí	Số tiền (VNĐ)
1. Chi phí nguyên liệu:	1,791,066,460
1.1 Chi phí hàng thủ công	1,706,199,460
1.2 Chi phí hàng xe đạp tre	84,867,000
2. Chi phí vật liệu khác, công cụ nhỏ	191,832,475
2.1 Chi phí văn phòng phẩm	38,824,200
2.2 Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	109,058,875
2.3 Chi phí máy vi tính trường học	43,949,400
3. Chi phí năng lượng :	45,269,545
3.1 Chi phí gaz, điện, nước	45,269,545
4. Chi phí cư trú:	106,230,700
4.1 Chi phí thuê văn phòng, vật dụng văn phòng	106,230,700
5. Chi phí sửa chữa, nhiên liệu:	533,929,545
5.1 Chi phí xăng xe và sửa chữa xe cho nhân viên công tác	533,929,545
6. Chi phí đào tạo & dụng cụ, văn phòng phẩm	4,935,857,388
6.1 Chi phí ngày 31/05 (Ngày không hút thuốc lá)	75,471,000
6.2 Chi phí tập huấn, họp nhóm hộ khó khăn	35,423,850
6.3 Chi phí tập huấn cộng tác viên	96,034,250
6.4 Chi phí tập huấn lớp nông nghiệp và thú y	30,212,000
6.6 Chi phí tham quan chương trình nông nghiệp	24,559,000
6.7 Chi phí làm mô hình chương trình nông nghiệp	71,721,000
6.8 Chi phí mua dụng cụ, con giống chương trình nông nghiệp	19,641,000
6.9 Chi phí photo tài liệu tập huấn	8,312,450
6.10 Chi phí hội thảo mô hình, hội thi	48,030,000
6.11 Chi phí vật liệu giáo dục	136,384,940
6.12 Chi phí tập huấn y tế học đường	406,878,750
6.13 Chi mua thiết bị cho trường học	472,555,000
6.14 Chi phí thuốc và thuốc tẩy giun cho trường học	2,106,000
6.15 Chi cấp học bổng	1,125,777,250
6.16 Chi phí cho đối tác	106,673,200
6.17 Chi phí đào tạo nhân viên	179,494,813
6.18 Chi phí diễn kịch	-
6.19 Chi phí tập huấn đội kịch	-
6.20 Chi phí mua thuốc tắm ngừa bệnh sốt rét	7,195,000
6.21 Chi phí hố xí sạch cộng đồng	186,820,000
6.22 Chi phí xử lý rác	460,944,939
6.23 Chi phí kiểm toán	4,445,000
6.24 Chi phí tập huấn phụ nữ	44,285,000
6.25 Chi phí cho hộ khó khăn	249,889,720
6.26 Chi phí trồng cây	548,016,200
6.27 Tập huấn hàng thủ công	150,343,553



Nội dung chi phí		Số tiền (VNĐ)
6.28 Chi phí cho giáo viên anh văn	15,544,175	
6.29 Chi phí lỗ bán tài sản	-	
6.30 Chi phí khấu hao tài sản	429,099,298	
7. Chi phí khác :		56,829,930
7.1 Chi phí linh tinh	56,829,930	
8. Chi phí di chuyển và dịch vụ khác :		301,077,588
8.1 Chi phí vận chuyển	56,083,450	
8.2 Chi phí công tác nhân viên	119,344,000	
8.3 Chi phí điện thoại, fax, gửi thư	125,650,138	
9. Chi phí nhân viên :		4,063,230,654
9.1 Chi phí lương nhân viên	3,082,622,934	
9.2 Chi phí lương và chi khác cho CTV	629,091,900	
9.3 Chi phí bảo hiểm tai nạn cho nhân viên	9,510,000	
9.4 Chi phí BHXH cho nhân viên	342,005,820	
10. Chi phí tài chính		38,848,046
10.1 Chi phí ngân hàng 93	66,000	
10.2 Chi phí ngân hàng 94	398,200	
10.3 Chi phí ngân hàng 95	65,789	
10.4 Chi phí ngân hàng 96	66,471	
10.5 Chi phí tài chính	770,422	
10.6 Chênh lệch tỷ giá	37,481,164	
Tổng cộng		<u>12,064,172,331</u>

4. Nguồn tài trợ

Các nguồn tài trợ nhận được trong năm 2011:

Tên tổ chức & cá nhân tài trợ

	<u>VND</u>
1. Mekong Plus	10,264,000,000
2. Nhận từ tổ chức AVI	196,900,000
3. Nhận từ BGGV	128,000,000
4. Vietnam Plus	3,160,000,000
5. Cá nhân tài trợ	29,166,575
6. Nhận tài trợ ALICE Group	88,927,300
Tổng cộng	<u>13,866,993,875</u>

TP.HCM, ngày 10 tháng 3 năm 2012

Giám đốc



Nguyễn Văn Thân